

Số: 169/2025/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 01 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ban hành Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2409/TTr-SCT ngày 20/11/2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2025.
- Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công tỉnh Nam Định;

b) Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định;

c) Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Bình;

d) Quyết định số 40/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Công Thương, Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực V; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Phước*

Nơi nhận:

- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP4, VP5.

TS_VP5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Cao Sơn

QUY CHẾ

Quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện, thụ hưởng và quản lý các chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí theo quy định tại Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ban hành Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công tỉnh Ninh Bình.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công và điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 28/2018/TT-BTC hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

2. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 28/2018/TT-BTC hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Điều 5. Ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công

Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất vào các ngành nghề, lĩnh vực theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP được hưởng chính sách khuyến công.

Điều 6. Nội dung cơ bản của đề án khuyến công

Nội dung Đề án khuyến công địa phương xây dựng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 36/2013/TT-BCT quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

Điều 7. Nội dung hoạt động khuyến công

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Mức chi hoạt động khuyến công

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ban hành Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công tỉnh Ninh Bình.

Điều 9. Nội dung thẩm định

Nội dung thẩm định Đề án khuyến công địa phương theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 36/2013/TT-BCT về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

Điều 10. Điều chỉnh, dừng triển khai thực hiện đề án khuyến công

1. Trong trường hợp cần điều chỉnh hoặc dừng triển khai thực hiện đề án khuyến công, các tổ chức, cá nhân lập đề án phải có văn bản gửi Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh hoặc dừng thực hiện đề án.

2. Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh đề án của các tổ chức, cá nhân, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tổng hợp, báo cáo Sở Công Thương. Sở Công Thương xem xét, quyết định điều chỉnh hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, cụ thể như sau:

a) Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các điều chỉnh: Tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ, thay đổi nội dung hoạt động khuyến công;

b) Sở Công Thương quyết định điều chỉnh đề án khuyến công, trừ các điều chỉnh được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Đối với các đề án khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định dừng thực hiện.

Điều 11. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí khuyến công

1. Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bố trí đối với hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các quy định tại quy chế này.

2. Hàng năm, căn cứ Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đề xuất của các xã, phường, đơn vị; Nghị quyết ban hành Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công tỉnh

Ninh Bình của Hội đồng nhân dân tỉnh; Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại xây dựng dự toán kinh phí khuyến công gửi Sở Công Thương để tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương, gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách và pháp luật đầu tư công.

3. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Sở Công Thương thực hiện phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công địa phương cho đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định hiện hành.

4. Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị gửi hồ sơ, chứng từ đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện kiểm soát.

5. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi cho đề án, nhiệm vụ khuyến công theo quy định hiện hành.

Điều 12. Chứng từ chi

Chứng từ chi là toàn bộ chứng từ thanh toán gồm phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi hoặc giấy đề nghị thanh toán tạm ứng và chứng từ gốc của từng nội dung chi theo quy định hiện hành.

Điều 13. Công tác hạch toán, quyết toán kinh phí khuyến công

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 28/2018/TT-BTC hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Phân công nhiệm vụ

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc xây dựng, sửa đổi và ban hành chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện của tỉnh, xây dựng chương trình khuyến công giai đoạn;

b) Tổ chức thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công thông qua Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập. Sau khi thẩm định, các đề án, nhiệm vụ được tổng hợp thành kế hoạch khuyến công địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện các đề án khuyến công theo quy định;

d) Phối hợp với các cơ quan truyền thông trong và ngoài tỉnh, chính quyền địa phương tuyên truyền công tác khuyến công đến các đơn vị trên địa bàn tỉnh;

đ) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

e) Theo dõi, đánh giá, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động khuyến công theo quy định;

g) Tổ chức kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Công Thương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

3. Các sở, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo ngành, lĩnh vực, phối hợp với Sở Công Thương xây dựng và thực hiện chương trình khuyến công từng giai đoạn.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Hướng dẫn các đơn vị trong phạm vi quản lý của địa phương đăng ký nội dung hỗ trợ; xem xét tham gia ý kiến đối với đơn vị đề nghị hỗ trợ;

b) Căn cứ chương trình khuyến công giai đoạn, ngân sách địa phương, hàng năm Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình triển khai thực hiện đối với các đơn vị được hỗ trợ kinh phí khuyến công; tham gia nghiệm thu đề án để đánh giá thực tế mức độ hoàn thành các nội dung đề án được phê duyệt.

5. Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại

a) Căn cứ Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và hướng dẫn của các cơ quan có liên quan, trên cơ sở đăng ký kế hoạch, hồ sơ đề án xin hỗ trợ kinh phí khuyến công của các xã, phường, đơn vị, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tổng hợp, xây dựng kế hoạch khuyến công địa phương trình Sở Công Thương trước ngày 30 tháng 9 của năm thực hiện;

b) Chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp kinh phí khuyến công được giao, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh khi được phê duyệt; tổ chức nghiệm thu đề án theo quy định;

c) Hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất xuất báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động khuyến công về Sở Công Thương theo quy định; tham mưu lãnh đạo Sở báo cáo kết quả hoạt động khuyến công theo yêu cầu của cấp trên;

d) Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về các chương trình, đề án khuyến công theo quy định.

6. Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công

a) Chuẩn bị hồ sơ đề án đề nghị hỗ trợ; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ, các thông tin cung cấp cho cơ quan quản lý; triển khai thực hiện đúng các nội dung theo đề án được phê duyệt; báo cáo kết quả thực hiện đề án. Trong trường hợp không thực hiện được đề án, phương án đã nêu trong hồ sơ, phải báo cáo Sở Công Thương, đồng thời hoàn trả lại khoản kinh phí hỗ trợ đã nhận;

b) Chịu trách nhiệm và tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện đề án;

c) Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu đề án khuyến công theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

Điều 16. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, sử dụng và tạo nguồn Kinh phí khuyến công được xem xét khen thưởng theo chế độ hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi gian lận, vi phạm để được hưởng các khoản hỗ trợ từ kinh phí khuyến công thì phải hoàn trả đầy đủ và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật./.